

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/DS-PT

Ngày 28/11 /2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 89/QĐPT-DS ngày 03/11/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Do bà Vũ Thị Ngọc L - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 54/QĐ-NHCS-TA ngày 30/3/2017 bà L có mặt).

-Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950 (có mặt).

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Thân Thị H, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do ông Nguyễn Văn C đại diện theo ủy quyền (ông C có mặt).

-Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 3 năm 2017, bản tự khai ngày 08/5/2017 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vũ Thị Ngọc L trình bày:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 5/3/2009 của ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H đã được phê duyệt. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội (sau đây gọi là Ngân hàng CSXH) huyện T giải ngân cho ông Nguyễn Văn C vay số tiền là 7.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, theo khế ước số 9180255NS/KU (mã món vay số 6000001300136994), lãi suất khi cho vay 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/03/2014.

Do hết thời hạn trả nợ, ông Nguyễn Văn C không trả nợ nên ngày 12/03/2014, Ngân hàng CSXH huyện T đã chuyển số tiền 7.000.000 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất 1,17%/tháng. Tính đến ngày 30/03/2017, tổng số nợ quá hạn của ông C, bà H là 11.549.020 đồng, trong đó nợ gốc là 7.000.000 đồng, nợ lãi là 4.549.020 đồng. Ngân hàng CSXH huyện T yêu cầu vợ chồng ông C, bà H phải thanh toán số nợ gốc 7.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Tại phiên toà sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn là bà L có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông C, bà H phải trả Ngân hàng CSXH số nợ gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017 là 4.912.110 đồng, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2017, bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Năm 2009, ông có vay của Ngân hàng CSXH-Phòng giao dịch huyện T số tiền 7.000.000 đồng theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích ông vay số tiền trên là để sử dụng cho công việc gia đình. Sổ vay vốn kèm hợp đồng vay do bà Nguyễn Thị H là tổ trưởng tổ vay vốn Ngân hàng CSXH thôn Đ, xã Đ mang đến cho vợ chồng ông bà ký. Khi ký tên vào sổ vay vốn, ông cũng không đọc kỹ nên không để ý là hợp đồng ghi nhầm địa chỉ cư trú của vợ chồng ông ở thôn Đ, xã Đ. Sau khi ký hợp

đồng, bà H trực tiếp mang số tiền 7.000.000 đồng mà Ngân hàng giải ngân vào giao cho vợ chồng ông.

Sau khi vay, ông trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng CSXH, đến năm 2011 thì trả hết cả gốc và lãi. Các lần trả tiền ông đều đưa cho bà H nhưng chỉ ký tên vào sổ của bà H chứ ông không được nhận giấy tờ gì nên nay ông không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả tiền nói trên. Khi Ngân hàng CSXH khởi kiện thì ông mới biết bà H chưa nộp lại số tiền gốc và lãi mà ông trả cho Ngân hàng CSXH.

Nay ông xác định đã trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng CSXH nên ông không đồng ý thanh toán số nợ gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng CSXH.

Tại phiên tòa ngày 31/7/2017, ông C có mặt giữ nguyên ý kiến. Ngoài ra, ông trình bày khi trả tiền cho bà H thì bà H có viết giấy cho ông nhưng nay giấy này đã mất. Hiện nay ông không biết bà H ở đâu, làm gì, ông đề nghị chờ bà H về xem bà H có thừa nhận nhận tiền của ông hay không thì ông cũng chấp nhận theo ý kiến bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thị H trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn C về việc vay và trả nợ cho Ngân hàng CSXH là đúng. Bà cũng không đồng ý trả số nợ gốc và lãi mà Ngân hàng CSXH yêu cầu. Do bận công việc nên bà ủy quyền cho ông C thay mặt bà tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của bà trong vụ án này từ khi ủy quyền đến khi kết thúc vụ án.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 23/DS-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 30, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền cả gốc và lãi là 11.912.110 đồng (*mười một triệu chín trăm mười hai nghìn một trăm mười nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/8/2017 là 4.912.110 đồng.

Ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 9180255NS (tức mã món vay số 6000001300136994) ngày 05/3/2009 kể từ ngày 11/8/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên.

2. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 31/8/2017 ông Nguyễn Văn C kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc buộc ông và bà H trả cho Ngân hàng chính sách tiền vay gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi. Ông đã trả gốc và lãi cho bà H năm 2011. Đề nghị được đổi chất với bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Vũ Thị Ngọc L Đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn C không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm buộc ông trả số tiền vay gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi vì ông đã trả hết cho bà H, ông đề nghị được đổi chất với bà H, chỉ cần bà H nói chưa trả thì ông sẽ trả Ngân hàng. Ông thừa nhận có ký vào giấy đề nghị vay vốn, sổ vay vốn và phiếu chi ngày 8/03/2009, ông có được nhận số tiền 7.000.000 đồng.

Bà Vũ Thị Ngọc L trình bày: Ngân hàng không nhất trí kháng cáo của ông C, ông C được Ngân hàng chính sách cho vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, Ông C là người trực tiếp được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 7.000.000 đồng vì khi chi tiền Ngân hàng phải kiểm tra chứng minh thư đúng người và ký vào phiếu chi thì mới phát tiền, tiền gốc thì ông C phải trả trực tiếp cho Ngân hàng còn tiền lãi trả thông qua tổ trưởng tổ vay vốn, ông C đã trả được 2.278.500 đồng tiền lãi, từ đó ông C không trả nữa. Ngân hàng nhiều lần đến tận nơi đôn đốc nhưng ông C không ký vào biên bản, ông C trình bày nhận tiền từ bà H và trả lãi bà H là việc ông C vay bà H, còn số tiền 7.000.000 đồng vay và tiền lãi như bản án sơ thẩm tuyên ông C chưa trả. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền vay gốc và lãi. Bà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông C, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ số 9180255NS/KU ngày 05/3/2009 ký giữa đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện T và ông Nguyễn Văn C. Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ thì ông C được Ngân hàng CSXH huyện T cho vay 7.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất thỏa thuận là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/3/2014. Do vi phạm thời hạn trả nợ và được đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khoản vay này chuyển sang nợ quá hạn. Do vậy, Ngân hàng CSXH khởi kiện yêu cầu ông C, bà H phải trả Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/8/2017 là 4.912.110 đồng. Ông Nguyễn Văn C kháng cáo không đồng ý trả số tiền trên. Xét kháng cáo của ông C. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông C trình bày ông thừa nhận có được ký vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 05/3/2009; Sổ vay vốn và phiếu chi tiền của Ngân hàng ngày 8/3/2017. Như vậy, số tiền vay 7.000.000 đồng ông C đã được nhận từ Ngân hàng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng CSXH huyện T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông C thanh toán số tiền đã vay của Ngân hàng nhưng ông C không thực hiện (bút lục từ 07 đến 10). Nên Ngân hàng chính sách khởi kiện ông C là có căn cứ. Ông trình bày ông không đồng ý trả nợ Ngân hàng là do ông đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn nợ cho bà Nguyễn Thị H là tổ trưởng tổ vay vốn nhưng ông không xuất trình được căn cứ chứng minh ông đã đưa tiền trả tiền cho bà H để bà H trả Ngân hàng CSXH huyện T thông qua tổ trưởng tổ vay vốn; ông đề nghị được đối chất với bà H về các khoản trả nợ trực tiếp nộp cho bà H. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cung cấp hiện nay bà Nguyễn Thị H không có mặt tại địa phương, chính quyền địa phương không ai biết bà H đi đâu, làm gì, cư trú ở đâu, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền cả gốc và lãi là 11.912.110 đồng (mười một triệu chín trăm mười hai nghìn một trăm mười

ngàn đồng). Trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/8/2017 là 4.912.110 đồng.

Đối với ý kiến của ông C cho rằng đã trả Ngân hàng CSXH huyện T số tiền vay gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi thông qua bà H tổ trưởng tổ vay vốn, ông C có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về án phí: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 30, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền cả gốc và lãi là 11.912.110 đồng (*mười một triệu chín trăm mười hai nghìn một trăm mười nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/8/2017 là 4.912.110 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2017) ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất và kế hoạch nhận nợ số 9180255NS/KU ngày 05/3/2009) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C và bà Thân Thị H; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND huyện Tân Yên;
- THA huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

